

Bản án số: 38/2021/HS-ST
Ngày: 10/9/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tẩn A Sính; Ông Vàng A Măng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Trung Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Văn Chử - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST- HS, ngày 19 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Giàng A S- sinh ngày 04/3/2001, tại huyện T, tỉnh Lai Châu.

Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ đoàn thể, chính quyền: Không; Bố đẻ: Giàng A D, sinh năm 1966, mẹ đẻ: Vàng Thị X, sinh năm 1974; Bị cáo có vợ: Lù Thị G, sinh năm 2003 và có 01 con, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/3/2021 tại xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu đến nay. Có mặt.

Bị hại:

Chang A D- sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Tẩn A T (tên gọi khác là Tẩn A K), sinh ngày 26/11/2005.

Địa chỉ: Bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có đơn xin vắng mặt.

2. Phạm Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có đơn xin vắng mặt.

3. Vũ Văn Đ, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu. Có đơn xin vắng mặt.

4. Phan Văn V, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có đơn xin vắng mặt.

5. Giàng A D, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt

6. Lù Thị G, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Lù A T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Bản N, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

2. Vàng A T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Bản N, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

Người đại diện cho Tán A T: Ông Tán Xuân C, tên gọi khác Tán Sân K, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 01/2021 (bị cáo không nhớ ngày), Giàng A S sinh ngày 04/3/2001, trú tại bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu cùng Tán A T (tên gọi khác là Tán A K), sinh ngày 26/11/2005, trú cùng bản đi hái củi tại khu vực bản C, xã S. Khi đang hái củi, S rủ T cùng S đi tìm bắt trộm trâu mang đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý.

Ngày 05/01/2021, Giàng A S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter BKS: 25B1- 330... của Giàng A D, sinh năm 1966 (bố của S), chở Tán A T đi từ nhà ở đến xã P, huyện S tìm bắt trộm trâu. Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi đến xã P, huyện S, S vào nhà Vũ Văn Đ, sinh năm 1990, trú tại bản H, xã P để

liên hệ thuê xe ô tô của Đ (mục đích nếu bắt trộm được trâu thì thuê xe ô tô chở đến thị trấn T, huyện T), S nói với Đ là bố vợ của S ở xã P cho 01 con trâu, S lên nhà bố vợ lấy trâu mang về, khi nào về sẽ liên hệ địa điểm với Đ qua điện thoại để chở trâu về, Đ đồng ý và thỏa thuận giá tiền thuê xe đi từ xã P, huyện S đến thị trấn T, huyện T là 2.000.000 đồng và cho số điện thoại để S liên lạc. Sau đó S điều khiển xe mô tô chở T đi xã P, khi đến một cửa hàng tạp hóa dọc đường, S mua một đoạn dây thừng với giá 20.000 đồng, mục đích để dắt trâu. Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi đến một bãi thả trâu tại khu vực bản N, xã P, huyện S nhìn thấy có một đàn trâu khoảng 06 đến 07 con, S và T đuổi bắt trộm 01 con nhưng cả đàn trâu chạy vào rừng không bắt được. Do trời tối, S và T vào một lán nương bỏ hoang ở gần đó ngủ qua đêm tại đó.

Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 06/01/2021, sau khi ngủ dậy, S điều khiển xe mô tô chở T đi về, khi ra đến đường bê tông liên xã thuộc bản, xã P nhìn thấy có 02 con trâu đều lông màu đen (01 con trâu cái khoảng 07 tuổi có đeo mõ bằng sắt và 01 con nghé) của gia đình Chang A D, sinh năm 1981, trú tại bản N, xã P đang đứng ở cạnh đường. Cả hai người thống nhất bắt trộm con trâu cái khoảng 07 tuổi, T nắm được dây sổ mũi con trâu giữ lại, S lấy đoạn dây thừng mang theo buộc vào dây sổ mũi con trâu, tháo mõ trâu ra vứt ở cạnh đường, sau đó T dắt trâu theo đường bê tông đi trước, S đi xe máy theo sau dùng đèn pha xe máy soi đường. Khoảng 05 giờ cùng ngày, cả hai người dắt trâu đến ngã tư thuộc bản N, xã N, huyện , S gọi điện thoại cho Vũ Văn Đ để thuê xe ô tô của Đ chở trâu về thị trấn T như đã hẹn, Đ đồng ý. Đ điều khiển xe ô tô tải BKS: 24C-011... của gia đình đến ngã tư xã N chở con trâu đến thị trấn T, huyện T, khi đến bản N, xã T, huyện T do xe không qua suối được nên và T dắt trâu xuống xe, S trả tiền thuê xe cho Đ 2.000.000 đồng, T dắt trâu đi qua suối và giữ tại đó. S điều khiển xe mô tô đến thị trấn T để tìm thuê xe chở con trâu về xã K, huyện T, khi đến thị trấn T, gặp Phan Văn V, sinh năm 1995, trú tại Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, S hợp đồng thuê xe ô tô của V chở trâu đến xã K, huyện T (chưa thỏa thuận giá cả). V điều khiển xe ô tô tải BKS: 25C- 021.07 của V đến bản N, xã T để chở trâu, khi dắt trâu lên thùng xe xong, V hỏi S là con trâu mua ở đâu, có bán lại không, nếu bán thì V giúp gọi người đến mua, S trả lời là nếu giá cả hợp lý thì bán. V gọi điện thoại cho Phạm Văn T, sinh năm 1974, trú tại Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T đến để mua con trâu. Sau khi thỏa thuận thống nhất giá cả, T đồng ý mua con trâu của S với giá 28.000.000 đồng và nhờ V chở con trâu đến nhà T để T trả tiền cho S. Sau khi trả tiền xong, T hỏi S là giấy tờ mua bán trâu ở đâu, S trả lời là con trâu mua của Lò Văn C, nhà ở trong bản N, xã T, huyện T, không làm giấy tờ mua bán, sau đó S điều khiển xe mô tô chở T đi về.

Khi đến thị trấn T, huyện T, S và T vào một nhà nghỉ để chia tiền, S đưa cho T 10.000.000 đồng, S lấy 18.000.000 đồng.

Buổi chiều cùng ngày (06/01/2021), Phạm Văn T gọi điện thoại cho S để hỏi Lò Văn C, người đã bán trâu cho S ở chỗ nào trong bản N, xã T nhưng không liên lạc được. Ngày 07/01/2021 T vào bản N, xã T tìm hiểu thì trong bản N không có người nào tên là Lò Văn C. Nghi ngờ con trâu mình mua là tài sản do trộm cắp mà có, ngày 08/01/2021 Phạm Văn T đến Công an thị trấn T, huyện T trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận tin báo, ngày 09/01/2021 Công an thị trấn T ban hành thông báo số 02/TB-CATT tìm chủ sở hữu tài sản là 01 con trâu như Phạm Văn T đã trình báo. Biết được thông tin tại nhà Phạm Văn T đang giữ 01 con trâu cái mà T đã mua của một người không rõ lai lịch, nghi do trộm cắp bán, ngày 04/02/2021 Chang A D đến nhà Phạm Văn T tại Tổ dân phố A, thị trấn T xem, xác nhận là trâu của gia đình, cùng ngày D gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Lai Châu đề nghị xác minh điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Căn cứ đơn đề nghị của Chang A D và các tài liệu thu thập được xác định Giàng A S và Tẩn A T là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ triệu tập đến Trụ sở Công an huyện Sìn Hồ để làm việc, Giàng A S và Tẩn A T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản.

Bản Kết luận định giá tài sản số 07 ngày 26/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Sìn Hồ kết luận: 01 con trâu cái, lông màu đen, 07 tuổi (phát triển bình thường, không bị dị tật) trị giá 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*).

Tại bản Cáo trạng số: 35/CT-VKSSH, ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Giàng A S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ giữ nguyên quan điểm truy tố, không bổ sung gì và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Giàng A S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng A S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì, nên không đề nghị giải quyết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giàng A D, anh Phạm Văn T, anh Vũ Văn Đ, anh Phan Văn V và Tẩn A T tên gọi khác Tẩn A K không yêu cầu gì nên không đề nghị giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 01 chiếc mũ trâu bằng kim loại, hình trụ tròn, chiều dài 18cm, đường kính 06cm, mũ trâu được gắn 01 dây thép vòng tròn (cũ, đã qua sử dụng), thu giữ tại hiện trường; 01 đoạn dây thừng màu trắng dài 1,94m (cũ, đã qua sử dụng), người bị hại Chang A D giao nộp và trình bày là đoạn dây thừng đã buộc vào dây sỏ mũi con trâu tại nhà Phạm Văn T ở thị trấn T, huyện T; 01 đôi dày vải màu đen bề ngoài có dòng chữ 5G-HWEI (cũ, đã qua sử dụng), Tần A T giao nộp. Đối với những vật chứng này không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lù Thị G đề nghị Hội đồng xét xử cho xin lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A52 mà bị cáo đã giao nộp cho Công an. Đây là tài sản do bị cáo dùng tiền phạm tội mà có để mua nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội, bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và không tranh luận gì. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Sìn Hồ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia phiên tòa không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[2] Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra, đơn trình báo, biên bản thu giữ, kết luận định giá và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Tòa án đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 04 giờ ngày 06/01/2021, tại đường bê tông liên xã thuộc bản N, xã P, huyện S, Giàng A S, sinh ngày 04/3/2001

cùng Tần A T (tên gọi khác là Tần A K), sinh ngày 26/11/2005 đều trú tại bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu đã trộm cắp 01 con trâu cái, lông màu đen, khoảng 07 tuổi, trị giá 30.000.000 đồng của gia đình Chang A D, sinh năm 1981, trú tại bản Nậm B, xã P, huyện S, sau đó thuê xe ô tô chở đến bản N, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu bán cho anh Phạm Văn T, sinh năm 1974, trú tại Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T lấy 28.000.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Hành vi nêu trên của bị cáo Giàng A S là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo Giàng A S là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, do vậy cần thiết phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người dân tộc thiểu số và sinh sống ở khu vực đặc biệt khó khăn, với tuổi đời còn trẻ nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra bị cáo đã cùng gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi rủ rê lôi kéo, xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội, quá trình xét hỏi tại phiên tòa bị cáo không biết Tần A T (tên gọi khác là Tần A K) chưa đủ 18 tuổi, nhưng theo quy định của pháp luật, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và nhân thân của bị cáo về hành vi phạm tội của mình, Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời để nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, đảm bảo công tác phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị là hoàn toàn phù hợp.

[4] Đối với Tần A T (tên gọi khác là Tần A K) sinh ngày 26/11/2005 trú tại bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu, là người đã cùng bị cáo Giàng A S trộm cắp 01 con trâu cái khoảng 07 tuổi, lông màu đen của gia đình ông Chang A D. Tuy nhiên, tài sản bị xâm phạm có giá trị 30.000.000 đồng, cấu thành tội trộm

cấp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng). Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Tẩn A T được 15 tuổi 01 tháng 11 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ đã ra Quyết định xử lý hành chính bằng hình thức cảnh cáo, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Đối với anh Phạm Văn T, sinh năm 1974, trú tại Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu là người đã mua con trâu do Giàng A S và Tẩn A T (tên gọi khác là Tẩn A K) trộm cắp mà có, quá trình trao đổi mua bán anh Phạm Văn T không biết con trâu là tài sản do trộm cắp mà có nên anh Phạm Văn T không phạm tội.

[6] Đối với anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1990, trú tại bản H, xã P, huyện S và anh Phan Văn V, sinh năm 1995, trú tại Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu là những người đã dùng xe ô tô của mình chở con trâu do bị cáo Giàng A S trộm cắp mà có từ xã N, huyện S đến thị trấn T, huyện T. Quá trình điều tra xác định được, anh Vũ Văn Đ và anh Phan Văn V không biết con trâu là tài sản do trộm cắp mà có nên anh Đ và anh V không phạm tội.

[7] Đối với ông Giàng A D, sinh năm 1966, trú tại bản bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu, là người đã cho bị cáo Giàng A S mượn chiếc xe mô tô hiệu nhãn hiệu YAMAHA Exciter BKS: 25B1- 330... của ông nhưng khi S điều khiển chiếc xe này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì ông Giàng A D không biết nên ông D không phạm tội.

[8] Bị cáo Giàng A S khai nhận, số tiền bán con trâu do trộm cắp có được Sà đã mua cho vợ của Sà tên là Lù Thị G 01 điện thoại di động trị giá 5.000.000 đồng; mang đi trả nợ 8.000.000 đồng cho ông Lù A T, sinh năm 1965 trú tại bản N (bố vợ của S) và anh Vàng A T, sinh năm 1991 trú tại bản N, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu (trong đó: trả ông T 3.000.000 đồng, trả cho anh T 5.000.000 đồng). Trong quá trình điều tra xác định được chị Lù Thị G, ông Lù A T và anh Vàng A T đều không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên chị G, ông T và anh T không phạm tội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo thì bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận, bị cáo Giàng A S đã bồi thường cho bị hại Chang A D số tiền 30.000.000 đồng, ngoài ra bị hại không đề nghị gì nên không đề cập giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T yêu cầu bị cáo trả số tiền 28.000.000 đồng mà anh T đã mua con trâu do bị cáo trộm cắp mà có, việc trao đổi mua bán con trâu giữa anh T bị cáo là ngay tình và anh T không biết con trâu là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo và anh Phạm Văn T đã tự thỏa thuận và bị cáo đã tự nguyện trả cho anh T số tiền 28.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm nên hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với yêu cầu xin lại chiếc điện thoại của chị Lù Thị G, Hội đồng xét xử nhận thấy chiếc điện thoại mà bị cáo đã dùng số tiền trộm cắp mà có để mua, nên không chấp nhận đề nghị trả lại, cần tịch thu bán hóa giá sung quỹ Nước.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều không yêu cầu gì đối với bị cáo. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[11] Vật chứng của vụ án: 01 chiếc mõ trâu bằng kim loại, hình trụ tròn, chiều dài 18cm, đường kính 06cm, mõ trâu được gắn 01 dây thép vòng tròn (cũ, đã qua sử dụng), thu giữ tại hiện trường; 01 đoạn dây thừng màu trắng dài 1,94m (cũ, đã qua sử dụng), người bị hại ông Chang A D giao nộp; 01 đôi dày vải màu đen bề ngoài có dòng chữ 5G-HWEI (cũ, đã qua sử dụng), Tần A T giao nộp. Đây là những vật chứng không còn giá trị sử dụng, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có nhu cầu xin lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A52, màu xanh- đen, số IME 1: 860354045016995, số IME 2: 860354045016987, số seri: DOE9F300; số sim điện thoại trong máy: 0812110071 (cũ, đã qua sử dụng) do Giàng A S giao nộp, đây là chiếc điện thoại do bị cáo dùng tiền bán trâu và mua cho vợ bị cáo, đây là tài sản do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 con trâu cái lông màu đen, khoảng 07 tuổi do Giàng A S trộm cắp của ông Chang A D. Ngày 14/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ đã xử lý vật chứng, trả lại con trâu này cho chủ sở hữu. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đề cập giải quyết.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter BKS: 25B1- 330... (cũ, đã qua sử dụng), là tài sản của ông Giàng A D, sinh năm 1966, trú tại bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu. Khi S điều khiển chiếc xe này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì ông D không biết, ngày 25/4/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe máy

này cho chủ sở hữu là ông Giàng A D. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đề cập giải quyết.

[12] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/6/2021. Quyết định phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025. Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[13] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Giàng A S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo 01 năm 01 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo từ ngày tuyên án đến khi bị cáo vào trại chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mũ trâu bằng kim loại, hình trụ tròn, chiều dài 18 cm, đường kính 06 cm, mũ trâu được gắn 01 dây thép vòng tròn (cũ, đã qua sử dụng); 01 đoạn dây thừng màu trắng dài 1,94m (cũ, đã qua sử dụng); 01 đôi dây vải màu đen bề ngoài có dòng chữ 5G-HWEI (cũ, đã qua sử dụng).

- Tịch thu bán hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A52, màu xanh- đen, số IME 1: 860354045016995, số IME 2: 860354045016987, số seri: DOE9F300; số sim điện thoại trong máy: 0812110071 (cũ, đã qua sử dụng).

- Án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày 10/9/2021. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu; UBND xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu; UBND xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu và UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu lên tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKS ND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp Lai Châu;
- VKSND huyện;
- Công an huyện + THAHS;
- THADS huyện;
- Bị hại, người CQLNVLQ;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA;
- Lưu TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Bình